

Số: **13** /2020/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **31** tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Giao số lượng cán bộ, công chức và quy định tiêu chuẩn về trình độ
đào tạo đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 03 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 263/TTr-SNV ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Sở Nội vụ về việc trình ban hành Quyết định về việc

giao số lượng cán bộ, công chức và quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định số lượng và tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 2. Số lượng cán bộ, công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã

Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng biên chế cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số biên chế được giao	Giao cụ thể	
			Cán bộ	Công chức
I	Đối với xã, thị trấn			
1	Loại 1	22	11	11
2	Loại 2	20	11	9
3	Loại 3	18	10	8
II	Đối với phường			
1	Loại 1	23	11	12
2	Loại 2	21	11	10
3	Loại 3	19	10	9

Điều 3. Số lượng cán bộ, công chức theo từng chức vụ cán bộ và chức danh công chức cấp xã, cụ thể:

1. Số lượng cán bộ

TT	Chức vụ	Số lượng	Chức vụ kiêm nhiệm	Số được tăng thêm
1	Bí thư Đảng ủy	1	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	Đối với xã loại 1 và loại 2 được bố trí thêm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1		
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1		
4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1		
5	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1		
6	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;	1		
7	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng	1		

	sản Hồ Chí Minh;			nhân dân
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;	1		
9	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam	1		
10	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	1		

2. Ngoài quy định kiêm nhiệm tại khoản 1 Điều này thì cán bộ cấp xã có thể kiêm nhiệm các chức danh công chức khác nhưng không quá 01 chức danh. Trường hợp Bí thư Đảng ủy cấp xã hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thì không được kiêm nhiệm các chức danh công chức khác.

3. Số lượng công chức

TT	Chức danh	Số lượng giao cố định cho 3 loại xã	Số lượng được tăng thêm cho loại xã		
			Loại 1	Loại 2	Loại 3
I	Đối với xã, thị trấn				
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	1			
2	Văn phòng - thống kê	1	1	1	1
3	Tài chính - kế toán	1			
4	Tư pháp - hộ tịch	1	1		
5	Văn hóa - xã hội	1	1	1	
6	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);	1	2	1	1
II	Đối với phường				
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	1			
2	Văn phòng - thống kê	1	1	1	1
3	Tài chính - kế toán	1	1		
4	Tư pháp - hộ tịch	1	1	1	1

5	Văn hóa - xã hội	1	1	1	
6	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường	1	2	1	1

4. Các đơn vị hành chính cấp xã không nhất thiết phải bố trí tối đa số lượng cán bộ, công chức theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Việc bố trí tăng thêm số lượng công chức được quy định tại khoản 2 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

5. Đối với xã, thị trấn loại 2 nếu không bố trí tăng thêm 01 người đảm nhiệm chức danh công chức Văn hóa - xã hội thì được bố trí tăng 01 người đảm nhiệm chức danh công chức Tư pháp - hộ tịch.

6. Đối với xã, thị trấn loại 3 nếu không bố trí tăng thêm 01 người đảm nhiệm chức danh Văn phòng - thống kê thì được bố trí tăng thêm 01 người đảm nhiệm chức danh Văn hóa - xã hội hoặc Tư pháp - hộ tịch.

7. Đối với phường loại 3 nếu không bố trí tăng 01 người đảm nhiệm chức danh công chức Tư pháp - hộ tịch thì được bố trí tăng 01 người đảm nhiệm chức danh công chức Văn hóa - xã hội.

Điều 4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo

1. Đối với công chức

a) Công chức tại các phường, thị trấn phải có trình độ chuyên môn đào tạo từ đại học trở lên phù hợp với vị trí đảm nhiệm và có các loại chứng chỉ đạt chuẩn theo quy định. Riêng đối với chức danh Chỉ huy Trưởng quân sự yêu cầu trình độ từ trung cấp trở lên.

b) Công chức tại các xã phải có trình độ chuyên môn đào tạo từ trung cấp trở lên phù hợp với vị trí đảm nhiệm và có các loại chứng chỉ đạt chuẩn theo quy định.

2. Đối với cán bộ

a) Cán bộ chuyên trách cấp xã làm việc trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải đạt chuẩn theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

b) Cán bộ chuyên trách cấp xã làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ của các tổ chức hội, đoàn thể.

c) Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cán bộ cấp xã còn phải đủ tiêu chuẩn theo các quy định của cấp có thẩm quyền và các quy định khác về tiêu chuẩn cán bộ tại thời điểm tổ chức đại hội nhiệm kỳ.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2020.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1071/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Điều khoản chuyên tiếp

1. Đối với các đơn vị hành chính cấp xã hiện nay đang bố trí số lượng người đảm nhiệm các chức vụ, chức danh cấp xã vượt quá số lượng người quy định tại Điều 2 Quyết định này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có lộ trình sắp xếp bảo đảm đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 số lượng cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định.

2. Đối với cán bộ, công chức cấp xã đã được tuyển dụng nếu chưa đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định này phải thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực để đảm bảo có trình độ chuyên môn đúng quy định.

3. Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã loại 2 tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử (gửi bản giấy các đơn vị chưa có TDOffice):

- Như Điều 7 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Lý Thái Hải